

Bản án số: 09/2018/HS-PT

Ngày 25-01-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền

Ông Bùi Đình Thông

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 139/2017/HSPT ngày 22 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo Trương Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2017/HS-ST ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện N

- Bị cáo có kháng cáo

1. Trương Văn T - Sinh ngày 10/02/1976 tại xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện trú tại: Thôn N1, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông: Trương H (Đã chết); con bà: Nguyễn Thị T (Sinh năm 1945). Vợ: Lê Thị M (Sinh năm 1981); con: Có 03 đứa, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 18/7/2017 đến ngày 21/8/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, hiện đang tại ngoại tại địa phương. *(Có mặt)*. Ngoài ra vụ án còn có các bị cáo không kháng cáo: Nguyễn Phi A, Chu Công T, Nguyễn Văn Đ, Hoàng Văn S; Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, án không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14h ngày 17/7/2017, Hoàng Văn S sinh năm 1983 và Trương Văn T sinh năm 1976 cùng trú tại thôn N1, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh đến nhà Chu Thị N ở cùng thôn để chơi. Lúc này chỉ có một mình chị N ở nhà, được một lúc thì chị N đến nhà ông Trần Đức P (bố chồng) để chăm ông P bị bệnh. Khi chỉ còn S và T ở nhà chị N, thấy có bộ bài tú lơ khơ và một chiếc chiếu rải sẵn ở phòng khách nhà chị N, hai người rủ nhau đánh bài ăn tiền kiểu bài “xì” Hàn Quốc. Đánh được một lúc thì có Nguyễn Phi A sinh năm 1982 trú tại thôn S và Nguyễn Văn Đ sinh năm 1986 trú tại thôn N1 đến nhà chị N chơi, thấy S và T đang đánh bài ăn tiền nên xin vào đánh cùng. Đến khoảng 15h cùng ngày, Chu Công T sinh năm 1987 là em ruột của chị N đến chơi, gặp 4 người trên đang đánh bài nên cũng xin vào đánh cùng.

Cả 5 người cùng ngồi đánh bài hình thức đánh bài “Xì” kiểu Hàn Quốc, đặt “tẩy” mỗi ván 10.000 đồng. Trong mỗi ván bài, sẽ phát bài tối đa 5 lượt, mỗi lượt phát bài sẽ tính xem trong số lá bài được lật ngửa, bài ai cao hơn thì người đó được quyền “tố”, những người còn lại, ai theo thì bỏ ra số tiền bằng người có quyền “tố”, còn ai không theo thì đập bài và những ai theo thì được phát bài lượt tiếp theo và đánh tiếp. Từ lượt phát bài thứ 2 đến thứ 4 được quyền “tố” 100.000 đồng, còn đến lượt cuối cùng, tức lượt thứ 5 sẽ được “tố” cao nhất là 200.000 đồng. Thắng thua được tính theo thứ tự: Lớn nhất là “Thùng phá sảnh” (Có 5 lá bài cùng chất liên tiếp nhau); thứ 2 là “tứ quý” (Có 4 lá bài giống nhau); thứ 3 là “xầu” (có 1 sam, tức là có 3 lá bài giống nhau và một đôi, tức là có 2 lá bài giống nhau); thứ 4 là có 5 lá bài cùng chất nhưng không liên tiếp nhau; thứ 5 là “sảnh thường” (Có 5 lá bài liên tiếp nhau nhưng không cùng chất); thứ 6 là “sam”; thứ 7 là 2 đôi; thứ 8 là đôi; cuối cùng là “mậu thầu” (Trong 5 lá bài không liên tiếp nhau, không cùng chất, không có hai lá bài nào giống nhau). Trong mỗi ván, người thắng trị giá tối đa lên đến 500.000đ - 600.000 đ.

Đến khoảng 17h cùng ngày, công an huyện N kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang T, Phi A, S, Đ, T đang có hành vi đánh bạc trái phép thu giữ trên chiếu một bộ bài tú lơ khơ 52 lá bài, tổng số tiền là 41.510.000 đồng, 5 chiếc điện thoại di động, 3 xe máy của các đối tượng.

Vật chứng tài sản thu giữ:

- Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 41.510.000 đồng (Bốn mươi một triệu năm trăm mười ngàn đồng). Trong đó số tiền 1.620.000 đồng (Một triệu

sáu trăm hai mươi ngàn đồng) thu giữ ở giữa chiếu nhưng không xác định được cụ thể của người nào, tổng số tiền trước mặt của 5 đối tượng là 6.890.000 đồng (Sáu triệu tám trăm chín mươi ngàn đồng), thu giữ trong người của Nguyễn Phi A 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), trong người Trương Văn T 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) và trong người Chu Công T 20.000.000 đồng.

- Một bộ bài tú lơ khơ.
- Một chiếc chiếu cói màu vàng nhạt
- Thu giữ của Hoàng Văn S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iphone 5S màu trắng.
- Thu giữ của Trương Văn T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen, ốp lưng màu vàng đồng, 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM, loại atila, màu trắng mang BKS 38N1-032.75.
- Thu giữ của Nguyễn Phi A 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen, 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter màu đen xám bạc mang BKS 38H6-7290.
- Thu giữ của Nguyễn Văn Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus màu trắng, 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda loại vision màu đỏ mang BKS 38N1-174.26
- Thu giữ của Chu Công T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu vertu màu vàng đồng đen.

Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho các chủ sở hữu: 03 chiếc xe máy, 05 chiếc điện thoại di động và số tiền 20.000.000 đồng thu giữ trong ví của Chu Công T không liên quan đến hoạt động phạm tội.
- Các vật chứng đã chuyển cho Chi cục THA dân sự huyện N: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam: 21.510.000 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm mười ngàn đồng), 01 bộ bài tú lơ khơ, 01 chiếc chiếu cói màu vàng nhạt.

Với hành vi phạm tội trên, Tại bản án số: 32/2017/HS-ST ngày 17/11/2017 Tòa án nhân dân huyện N đã Quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Trương Văn T, Nguyễn Phi A, Chu Công T, Nguyễn Văn Đ và Hoàng Văn S phạm tội “Đánh bạc”

Áp dụng khoản 1 Điều 248 điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Trương Văn T. khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 60 của BLHS năm 1999 đã được sửa đổi bổ

sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Phi A. Khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 của BLHS năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với các bị cáo Chu Công T, Nguyễn Văn Đ và Hoàng Văn S.

Áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 của BLHS năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Hoàng Văn S

Xử phạt các bị cáo:

- Trương Văn T 06 tháng tù, được trừ đi 01 tháng 05 ngày tạm giam trước, còn phải chấp hành 04 tháng 25 ngày, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Nguyễn Phi A 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Chu Công T 05 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Nguyễn Văn Đ 05 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Hoàng Văn S 05 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Phi A, Chu Công T, Nguyễn Văn Đ và Hoàng Văn S cho chính quyền UBND xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách được thực hiện theo quy định tại điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

Án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng vụ án; tuyên buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự; tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 22/11/2017 bị cáo Trương Văn T có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Trương Văn T khai và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như nội dung của bản án sơ thẩm. Bị cáo trình bày ý kiến và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Văn T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Theo lời khai nhận tội của bị cáo Trương Văn T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy hành vi phạm tội của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành của tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 248 BLHS, theo đó bản án hình sự sơ thẩm số 32/2017/HS-ST ngày 17-11-2017 của TAND huyện N quyết định tuyên bố bị cáo Trương Văn T phạm tội “Đánh bạc” là đúng người, đúng tội, có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, hành vi phạm tội và nội dung kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Do đó, phải chịu chế tài hình sự theo quy định.

[2.2] Trong vụ án này bị cáo Trương Văn T là người tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt, số tiền của bị cáo Thành sử dụng vào việc đánh bạc nhiều hơn so với các bị cáo khác do đó án sơ thẩm xếp bị cáo là người có vai trò cao hơn các bị cáo khác trong vụ án. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 6 tháng tù là hoàn toàn phù hợp, tương xứng với vai trò vị trí của bị cáo trong vụ án. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; việc tham gia đánh bạc của các bị cáo là tự phát, bị cáo không rủ rê lôi kéo các bị cáo khác cùng tham gia mà do các bị cáo tự tham gia. Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải nuôi con nhỏ và bà nội 85 tuổi không đi lại được. Vợ bị cáo có sức khỏe yếu và hiện đang mang bầu. Gia đình có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt. Vì vậy HĐXX xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giữ nguyên mức hình phạt như án sơ thẩm tuyên, nhưng áp dụng Điều 60 BLHS để cải thiện pháp thi hành án cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo giáo dục tại địa phương cũng đủ nghiêm.

[3] Áp dụng điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định mức thu Án phí, lệ phí Tòa án bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 BLTTHS năm 2015

Chấp nhận một phần nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Trương Văn T, sửa bản án sơ thẩm số 32/2017/HS-ST ngày 17/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện N về phần hình phạt.

Tuyên bố bị cáo Trương Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 ; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 60 của Bộ luật Hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Trương Văn T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trương Văn T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trong trường hợp những người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự

Về án phí: Áp dụng điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 27 – Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND,CA,VKS,THA sơ thẩm;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Lệ Thu